

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 85/2024/DS-ST.

Ngày: 16-10-2024.

"V/v Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Bà Nguyễn Thụy Thúy Ân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Việt Thy, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:

182/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là S1); địa chỉ: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973; chức vụ: Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc M, sinh năm 1970; trú tại: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 1142/2024/UQ-TGD ngày 21/02/2024) (Có đơn xin vắng mặt đề ngày 06/9/2024).

- *Bị đơn:* Ông Thạch Sin N, sinh năm 1991; địa chỉ: Số H, Tổ F, ấp P, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2024 và trong quá trình giải quyết ông Lê Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là S1) trình bày như sau:

Vào ngày 06/02/2018, ông N có Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng Kiềm hợp đồng số 03/2018/HĐTD/PGDNTB ngày 08/02/2018 đề nghị cấp thẻ, loại thẻ Visa số thẻ 472075-8077, hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng; thời hạn cấp tín dụng là 03 năm kể từ ngày cấp thẻ; mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn tại thời điểm cấp thẻ là 2,6%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, ngoài ra bên vay còn phải chịu các khoản phí liên quan như: Phí chậm thanh toán thẻ tín dụng, phí thường niên, phí vượt hạn mức căn cứ theo quy định Điều 24 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (có hiệu lực từ ngày 15/8/2016); phương thức trả nợ gốc lãi hàng tháng; hình thức bảo đảm tiền vay: Theo hình thức tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông N đã thực hiện giao dịch rút tiền là 30.422.414 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ số 472075-8077, kể từ ngày sử dụng thẻ ông N đã thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 29/02/2020 với số tiền 28.881.000 đồng thì ngưng do đó ngày 01/7/2020

Ngân hàng đã chuyển tiền bộ số tiền còn nợ sang nợ quá hạn. Nay ông M đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là S1) yêu cầu ông N phải trả số tiền gốc lãi tính đến ngày 30/9/2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 03/2018/HĐTD/PGDNTB đề ngày 08/02/2018 là 54.630.701 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 18.096.376 đồng; nợ lãi quá hạn: 36.534.325 đồng) và yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc lãi còn nợ.

Tại phiên tòa ông M có đơn xin vắng mặt đề ngày 06/9/2024 nhưng có bản tự khai đề ngày 16/10/2024 yêu cầu ông N phải trả số tiền gốc lãi tính đến ngày 16/10/2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 03/2018/HĐTD/PGDNTB đề ngày 08/02/2018 là 42.570.301 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 6.096.376 đồng; nợ lãi quá hạn: 36.473.925 đồng) và yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc lãi còn nợ.

- Bị đơn ông Thạch Sin N nhận được Thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án nhưng có ý kiến trình bày như sau:

Ông N thống nhất với ý kiến trình bày của ông M về thời gian ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng được cấp, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và các loại phí đã được quy định trong hợp đồng tín dụng và Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện giao dịch rút với số tiền là 30.422.414 đồng, trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông đã thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 29/02/2020 với số tiền 28.881.000 đồng thì ngưng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 ông bị thất nghiệp không có việc làm nên không có tiền để thanh toán tiếp tục cho Ngân hàng vì vậy Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang nợ quá hạn. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, ông N có làm đơn xin miễn giảm tiền lãi thì cán bộ Ngân hàng yêu cầu ông phải trả số tiền vốn lãi là 20.000.000 đồng thì Ngân hàng rút đơn khởi kiện. Do đó ngày 18/9/2024 ông N đã trả cho Ngân hàng số tiền 11.000.000 đồng và ngày 30/9/2024 trả số tiền 1.000.000 đồng vì vậy ông xác định chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 6.096.376 đồng. Nay ông N thừa nhận và đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền gốc lãi đến ngày 30/9/2024 là 42.630.701 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 6.096.376 đồng và lãi quá hạn: 36.534.325 đồng) và đồng ý tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 03/2018/HĐTD/PGDNTB đề ngày 08/02/2018.

Tại phiên tòa, ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo về thời hạn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 7, Điều 8 và Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt S1). Buộc ông N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền gốc lãi tính đến ngày 16/10/2024 là 42.570.301 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 6.096.376 đồng; nợ lãi quá hạn: 36.473.925 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/10/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền vay còn nợ.

Buộc ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.128.515 đồng đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại thành phố V được Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Mục đích bị đơn vay tiền để tiêu dùng, không nhằm mục đích kinh doanh nên có căn cứ xác định đây là vụ án tranh chấp về Hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ông M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là S1) có đơn xin vắng mặt đề ngày 06/9/2024, bị đơn ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M, ông N là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 03/2018/HĐTD/PGDNTB đề ngày 06/02/2018 là có thật, được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, nội dung phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và được ông N thừa nhận. Do đó đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì vậy hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông N chỉ thanh toán được một khoản thời gian thì ngưng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang nợ quá hạn. Tại phiên tòa, ông M vắng mặt nhưng có bản tự khai ngày 16/10/2024 yêu cầu ông N phải trả số tiền gốc lãi tính đến ngày 16/10/2024 là 42.570.301 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 6.096.376 đồng; nợ lãi quá hạn: 36.473.925 đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 "Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng" nên được chấp nhận.

[4.2] Xét đối với yêu cầu ông N tiếp tục thanh toán số tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc sau ngày 16/10/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên: Xét khi ký kết các hợp đồng tín dụng nêu trên các bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt và phí. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ, do đó Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán số tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc từ sau ngày 16/10/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối

cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm nên được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt S1).

- Buộc ông Thạch Sin N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền gốc lãi tính đến ngày 16/10/2024 là 42.570.301 đồng (Bốn mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi ngàn, ba trăm lẻ một đồng) (Trong đó: Nợ gốc: 6.096.376 đồng; nợ lãi quá hạn: 36.473.925 đồng) và ông N phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 03/2018/HĐTD/PGDNTB đề ngày 08/02/2018 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/10/2024) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Thạch Sin N phải chịu 2.128.500 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi tám ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt S1) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 1.219.324 đồng (Một triệu, hai

trăm mười chín ngàn, ba trăm hai mươi bốn đồng) theo biên lai thu số N₀ 0038138 nộp ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Vĩnh Long;
- Viện Kiểm sát thị xã Bình Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA